



BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban điều hành	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 – 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

Báo cáo của Ban Điều hành

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Huế cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 12 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/07/2025), Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hiện nay đang niêm yết trên sàn UPCoM với mã chứng khoán là CMP.

Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2025: 324.054.150.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Chân Mây - Lăng Cô, thành phố Huế, Việt Nam

Điện thoại : (+84) 234 – 3 891 841

Fax: : (+84) 234 – 3 891 838

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Chủ tịch	31 tháng 10 năm 2025	
Ông Dương Bá Hòa	Chủ tịch	08 tháng 05 năm 2020	31 tháng 10 năm 2025
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	31 tháng 10 năm 2025	
Ông Lê Chí Phai	Thành viên	31 tháng 10 năm 2025	
Ông Trần Văn Phong	Thành viên	08 tháng 05 năm 2020	31 tháng 10 năm 2025
Bà Hồ Hoàng Thi	Thành viên	08 tháng 05 năm 2020	31 tháng 10 năm 2025
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	17 tháng 08 năm 2020	31 tháng 10 năm 2025

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Tuấn Anh	Trưởng ban	31 tháng 10 năm 2025	
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	31 tháng 10 năm 2025	
Ông Đoàn Quang Vũ	Thành viên	31 tháng 10 năm 2025	

4.3. Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	05 tháng 11 năm 2020	
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 06 năm 2020	
Ông Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 03 năm 2020	
Bà Hồ Hoàng Thi	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 06 năm 2020	
Ông Lê Chí Phai	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 12 năm 2021	
Ông Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	12 tháng 06 năm 2020	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Văn Toàn, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 41.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành, 



HUỲNH VĂN TOÀN

Tổng Giám đốc

TP. Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2026

Số: 01/2026/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây, được lập ngày 14/02/2026, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 14 tháng 02 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Huỳnh Minh Hưng - Giám đốc Chi nhánh
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3402-2025-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Quốc Bảo - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5199-2026-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		171.118.538.289	148.190.945.247
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	95.111.153.710	67.275.325.755
111	1. Tiền		28.111.153.710	21.275.325.755
112	2. Các khoản tương đương tiền		67.000.000.000	46.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		23.000.000.000	33.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	23.000.000.000	33.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		45.090.800.475	38.631.311.603
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	23.148.259.155	20.744.493.069
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	3.779.239.382	2.523.345.142
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	-	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	19.486.528.970	17.361.560.696
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(1.323.227.032)	(3.498.087.304)
140	IV. Hàng tồn kho		6.091.042.765	8.008.457.781
141	1. Hàng tồn kho	V.8	6.091.042.765	8.008.457.781
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.825.541.339	1.275.850.108
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	264.115.027	270.140.752
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.064.589.507	579.991.165
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	496.836.805	425.718.191
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		517.462.120.989	545.201.423.127
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.365.795.426	3.537.863.606
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	1.365.795.426	3.537.863.606
220	II. Tài sản cố định		483.400.444.969	515.692.299.653
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	482.464.897.601	514.500.362.425
222	- Nguyên giá		1.058.318.768.780	1.055.218.452.692
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(575.853.871.179)	(540.718.090.267)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	935.547.368	1.191.937.228
228	- Nguyên giá		2.108.174.785	1.974.929.785
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.172.627.417)	(782.992.557)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		15.974.297.743	12.724.451.367
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	15.974.297.743	12.724.451.367
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16.721.582.851	13.246.808.501
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	16.721.582.851	13.246.808.501
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		688.580.659.278	693.392.368.374

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	4
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		311.676.132.232	333.276.356.765
310	I. Nợ ngắn hạn		114.897.470.792	110.057.598.962
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	10.333.535.017	7.631.895.664
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14a	461.632.402	387.735.544
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	5.389.850.872	2.930.560.361
314	4. Phải trả người lao động	V.16	21.258.343.919	17.403.415.027
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	2.161.343.100	3.064.641.309
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	201.764.943	467.301.935
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	45.481.548.645	44.574.686.888
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	19.540.000.000	19.540.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.21	6.657.406.087	12.005.772.593
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.22	3.412.045.807	2.051.589.641
330	II. Nợ dài hạn		196.778.661.440	223.218.757.803
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.14b	55.117.392.187	62.017.488.550
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	141.661.269.253	161.201.269.253
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		376.904.527.046	360.116.011.609
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.23	376.904.527.046	360.116.011.609
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	324.054.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	324.054.150.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		29.020.036.947	27.259.580.782
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.830.340.099	8.802.280.827
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		12.847.620	(16.757.958.762)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		23.817.492.479	25.560.239.589
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		688.580.659.278	693.392.368.374

BÙI THỊ NGỌC LINH

Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng

TP. Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2026

**HUỲNH VĂN TOÀN**

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	326.868.523.516	383.208.049.101
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		326.868.523.516	383.208.049.101
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	229.131.206.787	293.150.943.216
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.737.316.729	90.057.105.885
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.931.499.650	1.533.220.852
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	12.466.169.854	14.098.862.916
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		12.463.146.400	14.084.564.075
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.267.037.242	2.971.277.248
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	54.927.143.845	45.930.443.292
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.008.465.438	28.589.743.282
31	11. Thu nhập khác	VI.7	314.115.258	1.180.590
32	12. Chi phí khác	VI.8	575.237.345	100.123.922
40	13. Lợi nhuận khác		(261.122.087)	(98.943.332)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.747.343.351	28.490.799.950
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	5.929.850.872	2.930.560.361
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23.817.492.479	25.560.239.589
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10a	735	789
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10b	735	789

TP. Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2026

BÙI THỊ NGỌC LINH

Người lập biểu

NGÔ KHÁNH TOÀN

Kế toán trưởng

**HUYNH VĂN TOÀN**

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		29.747.343.351	28.490.799.950
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10, 11	35.525.415.772	33.442.300.202
03	- Các khoản dự phòng	V.7	(7.523.226.778)	12.042.531.650
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.3	3.023.454	(19.926.800)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(1.893.523.220)	(1.422.732.624)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	12.463.146.400	14.084.564.075
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động		68.322.178.979	86.617.536.453
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(184.870.937)	1.557.000.758
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.8	1.917.415.016	(3.418.702.872)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		87.362.327	8.670.217.155
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.9	6.787.521.950	953.073.775
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	V.17, VI.4	(12.785.194.741)	(14.578.170.894)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(3.470.560.361)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.22	(840.114.041)	(938.153.001)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		59.833.738.192	78.862.801.374
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	V.10, 11, 12	(19.196.665.187)	(12.326.044.403)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	(33.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	18.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.6, VI.3	1.795.565.914	1.309.922.122
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.401.099.273)	(26.016.122.281)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(19.540.000.000)	(19.540.000.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.23c	(5.053.787.510)	(7.466.351.025)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24.593.787.510)	(27.006.351.025)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		27.838.851.409	25.840.328.068
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		67.275.325.755	41.415.070.887
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	VI.3	(3.023.454)	19.926.800
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	95.111.153.710	67.275.325.755

BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu**NGÔ KHÁNH TOÀN**
Kế toán trưởng**HUYNH VĂN TOÀN**
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ, ...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025, nền kinh tế vĩ mô vẫn đang có dấu hiệu phục hồi, ngành Cảng và vận tải biển ở Việt Nam nhìn chung đều có dấu hiệu tăng trưởng, tuy nhiên điều kiện thời tiết nhìn chung không ổn định, mưa gió và bão diễn biến bất thường trên biển Đông đã dẫn đến sản lượng hàng hóa thông quan và các dịch vụ liên quan như hàng hải, xếp dỡ và sản lượng xăng dầu bán ra giảm so với năm trước. Bên cạnh, du lịch tại miền Trung nói chung và tại thành phố Huế nói riêng đang trên đà phát triển, lượng khách du lịch quốc tế tăng làm sản lượng dịch vụ neo đậu, lai dắt tàu tăng tương ứng. Những yếu tố tăng trưởng nhưng kèm rủi ro trên dẫn đến doanh thu năm 2025 giảm 14,7% so với năm trước. Đồng thời, chi phí nhiên liệu năm nay giảm mạnh hơn so với năm trước và các chi phí khác như chi phí dự phòng sửa chữa, chi phí nạo vét cũng giảm mạnh dẫn đến giá vốn năm 2025 giảm 21,8% so với năm 2024. Tổng hợp các nguyên nhân trên dẫn đến tỷ lệ lãi gộp năm nay tăng hơn năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xếp dỡ Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, Xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế
Xí nghiệp Cơ giới Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, Xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế
Xí nghiệp Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, Xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành phố Huế
Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế	Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, Phường Thuận Hóa, Thành phố Huế

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 346 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 337 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Loại tài sản cố định	Số năm
Phần mềm máy tính	3 - 5

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ sẽ cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tại cảng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

- Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đi vay vốn và khoản lỗ tỉ giá hối đoái.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền****1.a. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.736.714.015	1.342.764.583
Tiền gửi ngân hàng	23.374.439.695	19.932.561.172
Cộng	28.111.153.710	21.275.325.755

1.b. Các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	38.000.000.000	23.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	16.000.000.000	17.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và PTNN Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	4.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	6.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	3.000.000.000	-
Cộng	67.000.000.000	46.000.000.000

Không có tiền và các khoản tương đương tiền được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tại thời điểm ngày 31/12/2025.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	21.000.000.000	-	31.000.000.000	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thừa Thiên Huế	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng	23.000.000.000	-	33.000.000.000	-

Không có các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh tại ngày 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY*Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	23.148.259.155	20.744.493.069
- Công ty CP Than sông Hồng	3.714.006.090	2.711.999.500
- Royal Caribbean Group	2.454.634.866	808.926.358
- Công ty TNHH Cung ứng Vật tư Đồng Lâm	1.101.835.701	2.346.643.330
- Công ty CP Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico Huế	-	1.773.890.585
- Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Vận tải Quốc tế Phước An	-	93.291.804
- Các khách hàng khác	15.877.782.498	13.009.741.492
Cộng	23.148.259.155	20.744.493.069

Trong đó, nợ quá hạn là 1.323.227.032 đồng, Công ty đã trích lập dự phòng theo quy định (Xem thuyết minh V.7).

4. Trả trước cho người bán**4.a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	3.779.239.382	2.523.345.142
- Công ty cổ phần Alpha Pi	2.442.181.949	832.350.128
- Các nhà cung cấp khác	1.337.057.433	1.690.995.014
Cộng	3.779.239.382	2.523.345.142

4.b. Trả trước cho người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	1.365.795.426	3.537.863.606
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam (*)	1.365.795.426	3.537.863.606
Cộng	1.365.795.426	3.537.863.606

(*) Là khoản ứng trước 10% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam về việc thuê 2 cần trục đa năng xếp dỡ hàng theo Hợp đồng kinh tế số 01/2022/HĐKT-CCM-NVL ngày 26/01/2022, thời hạn thuê 84 tháng. Khoản ứng trước này sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ dần vào các khoản thanh toán đến hạn cho nhà cung cấp trong các năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	3.029.057.938	11.509.000	4.010.573.137	513.918.664
- BQL Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô	951.347.248	-	951.347.248	-
- Công ty TNHH liên doanh nguyên liệu giấy Huế	-	-	1.598.576.434	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin (*)	-	-	513.918.664	513.918.664
- Phải thu CBCNV về thuế TNCN	1.688.906.854	-	686.492.769	-
- Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng	345.247.260	-	247.289.954	-
- Các đối tượng phải thu khác	43.556.576	11.509.000	12.948.068	-
Tạm ứng CBCNV	5.968.845.218	-	2.862.827.156	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	10.488.625.814	-	10.488.160.403	-
- BQL khu kinh tế công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế (**)	10.224.850.000	-	10.224.850.000	-
- Ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế	253.775.814	-	253.310.403	-
- Ký quỹ thuê văn phòng	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	19.486.528.970	11.509.000	17.361.560.696	513.918.664

(*) Xem thuyết minh số V.7b

(**) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02 – Cảng Chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ-KKTCN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện tại, Công ty đã nghiệm thu hoàn thành bến số 2 và đang hoàn tất các thủ tục liên quan với Ban quản lý khu kinh tế công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế để thu hồi khoản ký quỹ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi****7.a. Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	3.498.087.304	3.461.328.247
Số trích lập trong năm	11.509.000	36.759.057
Số hoàn nhập trong năm	(15.000.000)	-
Giảm do xóa nợ trong năm	(2.171.369.272)	-
Số dư cuối năm	1.323.227.032	3.498.087.304

7.b. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác quá hạn trên 3 năm	1.323.227.032	-	3.498.087.304	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin (*)	-	-	2.171.369.272	-
- Công ty TNHH Sơn Tùng	627.329.522	-	627.329.522	-
- Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt	154.849.350	-	154.849.350	-
- Công Ty TNHH MTV TMDV Nguyễn Minh Phương	133.500.000	-	148.500.000	-
- Công ty cổ phần nhựa đường Minh Đạt	144.750.000	-	144.750.000	-
- Công ty TNHH Khai thác Than Đông Bắc	83.858.340	-	83.858.340	-
- Công ty TNHH chống ăn mòn Hải Tân Lộc	60.724.032	-	60.724.032	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Bảo	60.000.000	-	60.000.000	-
- Công ty TNHH TM Văn Minh	24.080.713	-	24.080.713	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hồng Kim	17.753.300	-	17.753.300	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	3.736.256	-	3.736.256	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành	1.136.519	-	1.136.519	-
- Nguyễn Tư	11.509.000	-	-	-
Cộng	1.323.227.032	-	3.498.087.304	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY*Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Khoản nợ phải thu đã được xóa nợ do Doanh nghiệp phá sản theo Quyết định số 01/2025/QĐ-PSST ngày 05/05/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2025 thông qua việc xóa các khoản nợ của Công ty Viễn dương Vinashin.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.581.159.871	-	4.407.653.729	-
Công cụ, dụng cụ	2.143.751.191	-	2.757.837.756	-
Hàng hóa	366.131.703	-	842.966.296	-
Cộng	6.091.042.765	-	8.008.457.781	-

- Nguyên liệu, vật liệu là những vật tư, nhiên liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa tài sản cố định.
- Công cụ dụng cụ là những dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được mua về nhưng chưa sử dụng.
- Hàng hóa của Công ty là xăng, dầu dự trữ để bán.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm ngày 31/12/2025.
- Không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2025.

9. Chi phí trả trước**9.a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	196.215.215	169.383.254
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	34.799.526	55.757.498
Chi phí thuê văn phòng	33.100.286	45.000.000
Cộng	264.115.027	270.140.752

Chi tiết biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	270.140.752	246.727.185
Tăng trong năm	607.678.106	592.781.651
Phân bổ trong năm	(613.703.831)	(569.368.084)
Số dư cuối năm	264.115.027	270.140.752

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY*Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9.b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản	12.554.981.367	9.534.239.839
Chi phí công cụ dụng cụ	4.166.601.484	3.712.568.662
Cộng	<u>16.721.582.851</u>	<u>13.246.808.501</u>

Chi tiết biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	13.246.808.501	14.223.295.843
Tăng trong năm	14.137.260.606	8.104.847.453
Phân bổ trong năm	(10.662.486.256)	(9.081.334.795)
Số dư cuối năm	<u>16.721.582.851</u>	<u>13.246.808.501</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chánh Mây - Láng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	907.499.854.365	110.922.201.391	33.590.336.909	3.206.060.027	1.055.218.452.692
Tăng trong năm	2.854.277.199	-	-	246.038.889	3.100.316.088
- Mua sắm trong năm	-	-	-	246.038.889	246.038.889
- XDCB hoàn thành	2.854.277.199	-	-	-	2.854.277.199
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	910.354.131.564	110.922.201.391	33.590.336.909	3.452.098.916	1.058.318.768.780
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	410.209.743.277	94.479.415.767	33.086.788.158	2.942.143.065	540.718.090.267
Tăng trong năm	31.174.614.890	3.579.365.759	258.988.260	122.812.003	35.135.780.912
- Khấu hao trong năm	31.174.614.890	3.579.365.759	258.988.260	122.812.003	35.135.780.912
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	441.384.358.167	98.058.781.526	33.345.776.418	3.064.955.068	575.853.871.179
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	497.290.111.088	16.442.785.624	503.548.751	263.916.962	514.500.362.425
Số cuối năm	468.969.773.397	12.863.419.865	244.560.491	387.143.848	482.464.897.601

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 129.071.580.046 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 297.021.886.091 đồng. (Xem thuyết minh số V.20)
- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY*Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.974.929.785	1.974.929.785
Tăng trong năm	133.245.000	133.245.000
- <i>Mua sắm trong năm</i>	133.245.000	133.245.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.108.174.785	2.108.174.785
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	782.992.557	782.992.557
Tăng trong năm	389.634.860	389.634.860
- <i>Khấu hao trong năm</i>	389.634.860	389.634.860
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.172.627.417	1.172.627.417
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.191.937.228	1.191.937.228
Số cuối năm	935.547.368	935.547.368

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 184.609.600 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 31/12/2025.
- Giá trị còn lại TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển sang TSCĐ	Kết chuyển sang chi phí trả trước	Sử dụng dự phòng phải trả	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	93.271.500	39.973.500	133.245.000	-	-	-
- Nâng cấp phần mềm kế toán	93.271.500	39.973.500	133.245.000	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	6.535.761.504	7.069.997.174	2.854.277.199	2.132.081.479	-	8.619.400.000
- Công trình bến số 2 - giai đoạn hoàn thiện	2.735.936.448	1.871.794.444	-	-	-	4.607.730.892
- Công trình xử lý nước thải công nghiệp bến số 1	2.552.335.578	141.563.081	2.693.898.659	-	-	-
- PCCC kho bãi mở rộng bến số 1	167.592.592	1.949.439.816	-	-	-	2.117.032.408
- Các công trình khác	1.079.896.886	3.107.199.833	160.378.540	2.132.081.479	-	1.894.636.700
Chi phí sửa chữa tài sản	6.095.418.363	14.932.034.982	-	8.124.189.096	5.548.366.506	7.354.897.743
- Sửa chữa bảo trì bến số 1 năm 2025	-	7.007.302.779	-	-	-	7.007.302.779
- Sửa chữa hệ dầm, bán mặt sân và bọc đầu cọc	5.852.397.727	3.057.159.260	-	3.853.784.394	5.055.772.593	-
- Sửa chữa các tài sản khác	243.020.636	4.867.572.943	-	4.270.404.702	492.593.913	347.594.964
Cộng	12.724.451.367	22.042.005.656	2.987.522.199	10.256.270.575	5.548.366.506	15.974.297.743

Không có chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các người bán khác	10.333.535.017	7.631.895.664
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại Gia Vượng	2.069.859.034	1.295.283.051
- Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Tiến Lộc Phú	2.008.436.955	1.234.251.001
- Công ty TNHH Navaco	1.697.072.728	834.355.753
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình thủy	1.328.252.000	-
- Các nhà cung cấp khác	3.229.914.300	4.268.005.859
Cộng	10.333.535.017	7.631.895.664

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước**14.a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	461.632.402	387.735.544
- Công Ty TNHH Đại Lý Tàu Biển SEABORNE	151.003.100	-
- Công ty TNHH Đại lý và môi giới vận tải biển quốc tế	119.770.927	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Thuận	55.066.962	-
- Các khách hàng khác	135.791.413	387.735.544
Cộng	461.632.402	387.735.544

14.b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	55.117.392.187	62.017.488.550
- Royal Caribbean Cruises Ltd (*)	55.117.392.187	62.017.488.550
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng	55.117.392.187	62.017.488.550

(*) Khoản ứng trước của Royal Caribbean Cruises Ltd theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean (chi tiết xem thuyết minh số VII.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	6.843.251.479	6.843.251.479	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.930.560.361	-	5.929.850.872	3.470.560.361	5.389.850.872	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	423.712.928	1.732.912.868	1.804.031.482	-	494.831.542
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	-	306.575.846	306.575.846	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.005.263	1.931.432.556	1.931.432.556	-	2.005.263
Cộng	2.930.560.361	425.718.191	16.744.023.621	14.355.851.724	5.389.850.872	496.836.805

(*) Quyền sử dụng đất thuế trả tiền hàng năm để thực hiện dự án đầu tư bến số 02 đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018 (xem thuyết minh số V.20).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động cung ứng dịch vụ tàu biển cung cấp trực tiếp cho tổ chức nước ngoài hoặc thông qua đại lý tàu biển là 0%; cung cấp cho các tổ chức nội địa là 10%.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, hoạt động này được giảm mức thuế suất GTGT còn 8% theo quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

- Từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến ngày 30 tháng 09 năm 2025, hoạt động này được giảm mức thuế suất GTGT còn 8% theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:*

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.747.343.351	28.490.799.950
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(98.088.991)	(7.932.725.975)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.010.620.104	410.799.230
+ Các khoản chi phí không hợp lý	430.000.000	348.240.620
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	555.760.858	23.045.426
+ Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.908.992	323.490
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền, nợ phải thu năm trước	19.926.800	39.189.694
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền, nợ phải thu năm nay	3.023.454	-
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.108.709.095)	(8.343.525.205)
+ Chi phí lãi vay được chuyển theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	(1.108.709.095)	(8.323.598.405)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền năm nay	-	(19.926.800)
Thu nhập chịu thuế	29.649.254.361	20.558.073.975
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	(5.905.272.168)
Thu nhập tính thuế	29.649.254.361	14.652.801.807
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông (20%)	5.929.850.872	2.930.560.361
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.929.850.872	2.930.560.361

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	21.258.343.919	17.403.415.027
Cộng	21.258.343.919	17.403.415.027

Quỹ lương của người lao động và của người quản lý Công ty được áp dụng theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 và theo Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 hướng dẫn thực hiện Nghị định 44/2025/NĐ-CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	2.161.343.100	3.064.641.309
Chi phí lãi vay phải trả	2.161.343.100	2.483.391.441
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	-	581.249.868
Cộng	2.161.343.100	3.064.641.309

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện từ bên liên quan	-	-
Doanh thu chưa thực hiện từ đối tượng khác	201.764.943	467.301.935
- Công ty Cổ phần Alpha Pi	201.764.943	467.301.935
Cộng	201.764.943	467.301.935

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	44.017.747.789	44.243.128.464
- Lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
- Cổ tức phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	27.332.824.825	27.558.205.500
Phải trả các đối tượng và cá nhân khác	1.463.800.856	331.558.424
- Kinh phí công đoàn, BHXH	294.920.620	161.069.008
- Phải trả các đối tượng khác	1.168.880.236	170.489.416
Cộng	45.481.548.645	44.574.686.888

20. Vay và nợ thuê tài chính**20.a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	19.540.000.000	19.540.000.000	19.540.000.000	19.540.000.000
NH TMCP Công thương Việt Nam	19.540.000.000	19.540.000.000	19.540.000.000	19.540.000.000
- CN Thừa Thiên Huế				
Cộng	19.540.000.000	19.540.000.000	19.540.000.000	19.540.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20.b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	141.661.269.253	141.661.269.253	161.201.269.253	161.201.269.253
NH TMCP Công thương Việt Nam	141.661.269.253	141.661.269.253	161.201.269.253	161.201.269.253
- CN Thừa Thiên Huế				
Cộng	141.661.269.253	141.661.269.253	161.201.269.253	161.201.269.253

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDADT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018. Hạn mức vay là 268.980.000.000 đồng nhưng không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của Dự án (bao gồm thuế GTGT và chi phí lãi vay trong thời gian thi công), thời hạn vay là 180 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/01/2034). Thời gian ân hạn là 18 tháng, hết thời gian ân hạn, nợ gốc được trả 3 tháng một lần, trả lãi 54 kỳ. Lãi suất được xác định như sau:

- Trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8%/năm;
- Từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24: 8,5%/năm;
- Từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 96: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Công thương Việt nam cộng (+) biên độ 2,5%/năm;
- Từ tháng thứ 97 đến hết tháng thứ 180: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công Thương Việt nam cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sản lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại thời điểm đó.

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 tại vịnh Chân Mây, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Xã Chân Mây – Lăng Cô, thành phố Huế). Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án, bao gồm tất cả công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 và các tài sản khác đủ điều kiện nhận theo quy định của Bên cho vay. Đồng thời nhận thế chấp bổ sung các tài sản là: Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án và lưu giữ toàn bộ bản chính hồ sơ pháp lý của dự án; các quyền tài sản phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như quyền tài sản đối với các hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng mua/nhập khẩu máy móc thiết bị, quyền thụ hưởng bảo hiểm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật (xem thuyết minh số V.10).

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ	9.055.772.593	3.000.000.000	5.548.366.506	2.800.000.000	6.657.406.087
Dự phòng sửa chữa cầu cảng	5.055.772.593	2.000.000.000	5.055.772.593	-	2.000.000.000
Dự phòng sửa chữa tàu lai	4.000.000.000	-	492.593.913	2.800.000.000	707.406.087
Dự phòng nợ vệt bến số 1	2.950.000.000	1.000.000.000	-		3.950.000.000
Cộng	12.005.772.593	3.000.000.000	5.548.366.506	2.800.000.000	6.657.406.087

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.082.994.144	440.114.041	-	1.523.108.185
Quỹ phúc lợi	968.595.497	1.320.342.125	400.000.000	1.888.937.622
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	440.114.041	440.114.041	-
Cộng	2.051.589.641	2.200.570.207	840.114.041	3.412.045.807

23. Vốn chủ sở hữu**23.a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	324.054.150.000	27.259.580.782	(16.757.958.762)	334.555.772.020
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	25.560.239.589	25.560.239.589
Trích lập các quỹ	-	-	-	-
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	324.054.150.000	27.259.580.782	8.802.280.827	360.116.011.609
Số dư đầu năm nay	324.054.150.000	27.259.580.782	8.802.280.827	360.116.011.609
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	23.817.492.479	23.817.492.479
Trích lập các quỹ	-	1.760.456.165	(3.961.026.372)	(2.200.570.207)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(4.828.406.835)	(4.828.406.835)
Số dư cuối năm nay	324.054.150.000	29.020.036.947	23.830.340.099	376.904.527.046

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2025 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 1,49% vốn điều lệ và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện. Ngày 20/10/2025, Hội đồng quản trị đã ra Nghị quyết số 76/NQ-HĐQT về việc chi trả cổ tức bằng tiền là 1,49% vốn điều lệ tương ứng 4.828.406.835 đồng.

23.b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	98,89%	320.444.250.000	98,89%	320.444.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	3.609.900.000	1,11%	3.609.900.000
Cộng	100,00%	324.054.150.000	100,00%	324.054.150.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23.c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	324.054.150.000	324.054.150.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	324.054.150.000	324.054.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(4.828.406.835)	-
- Cổ tức lợi nhuận đã chi	(5.053.787.510)	(7.466.351.025)

23.d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**24.a. Ngoại tệ**

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	19.898,24	19.937,84

24.b. Nợ khó đòi đã xử lý

Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	2.171.369.272	-
Tổng cộng	2.171.369.272	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu với các bên liên quan	-	-
Doanh thu với các đối tượng khác	326.868.523.516	383.208.049.101
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	302.015.632.274	332.908.805.471
- Doanh thu bán hàng hóa	24.852.891.242	50.299.243.630
Cộng	326.868.523.516	383.208.049.101

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	205.594.632.527	245.497.841.163
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.536.574.260	47.653.102.053
Cộng	229.131.206.787	293.150.943.216

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.893.523.220	1.422.732.624
Chiết khấu	21.606.010	50.776.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.370.420	39.784.928
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	-	19.926.800
Cộng	1.931.499.650	1.533.220.852

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Tiền lãi vay	12.463.146.400	14.084.564.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	3.023.454	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	14.298.841
Cộng	12.466.169.854	14.098.862.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY*Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.396.687.790	1.260.274.290
Chi phí khấu hao TSCĐ	96.115.518	96.115.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.052.506	307.098.244
Chi phí bằng tiền khác	452.181.428	1.307.789.200
Cộng	2.267.037.242	2.971.277.248

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	25.258.323.909	23.293.958.626
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.184.774.586	2.559.231.685
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.817.646.947	1.637.785.689
Dự phòng/ hoàn nhập phải thu khó đòi	(3.491.000)	36.759.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.331.055.897	4.703.919.564
Chi phí bằng tiền khác	19.338.833.506	13.698.788.671
Cộng	54.927.143.845	45.930.443.292

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	88.918.258	1.000.911
Thu từ bồi thường	225.197.000	-
Các khoản thu nhập khác	-	179.679
Cộng	314.115.258	1.180.590

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí đền bù thiệt hại cho khách hàng	17.567.495	76.647.500
Tiền phạt vi phạm hành chính	555.760.858	23.045.426
Chi phí khác	1.908.992	430.996
Cộng	575.237.345	100.123.922

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.018.367.598	21.441.093.928
Chi phí nhân công	79.025.286.177	73.553.850.638
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.525.415.772	33.442.300.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.301.677.263	131.311.475.419
Chi phí khác	22.721.557.804	22.608.309.863
Cộng	262.592.304.614	282.357.030.050

10. Lãi trên cổ phiếu**10.a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.817.492.479	25.560.239.589
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.817.492.479	25.560.239.589
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	32.405.415	32.405.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	735	789

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	32.405.415	32.405.415
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	32.405.415	32.405.415

10.b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.817.492.479	25.560.239.589
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.817.492.479	25.560.239.589
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	32.405.415
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	735	789

10.c. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY*Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1.a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm nay			Cộng
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức/khác	
1	Dương Bá Hòa	Chủ tịch HĐQT	471.200.000	-	49.272.626	520.472.626
2	Huỳnh Văn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	668.000.000	36.000.000	48.240.421	752.240.421
3	Trần Văn Phong	Thành viên HĐQT	382.300.000	-	40.654.055	422.954.055
4	Hồ Hoàng Thi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	557.000.000	30.000.000	40.403.735	627.403.735
5	Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	19.709.050	55.709.050
6	Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	557.000.000	-	39.715.355	596.715.355
7	Nguyễn Thành Công	Phó Tổng giám đốc	509.000.000	-	39.699.710	548.699.710
8	Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng giám đốc	557.000.000	-	39.699.710	596.699.710
9	Lê Chí Phai	Phó Tổng giám đốc	509.000.000	6.000.000	39.809.225	554.809.225
10	Phan Tuấn Anh	Trưởng ban kiểm soát	501.500.000	-	39.668.420	541.168.420
11	Nguyễn Công Định	Thành viên BKS	-	24.000.000	6.843.420	30.843.420
12	Đoàn Quang Vũ	Thành viên BKS	316.623.485	-	6.984.225	323.607.711
Tổng cộng			5.028.623.485	132.000.000	410.699.955	5.571.323.440

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm trước			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Dương Bá Hòa	Chủ tịch HĐQT	518.386.243	-	5.500.000	523.886.243
2	Huỳnh Văn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	527.650.794	36.000.000	5.500.000	569.150.794
3	Trần Văn Phong	Thành viên HĐQT	414.708.995	-	5.500.000	420.208.995
4	Hồ Hoàng Thi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	462.708.995	36.000.000	5.500.000	504.208.995
5	Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
6	Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	462.708.995	-	5.500.000	468.208.995
7	Nguyễn Thành Công	Phó Tổng giám đốc	414.708.995	-	5.500.000	420.208.995
8	Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng giám đốc	462.708.995	-	5.500.000	468.208.995
9	Lê Chí Phai	Phó Tổng giám đốc	414.708.995	-	5.500.000	420.208.995
10	Phan Tuấn Anh	Trưởng ban kiểm soát	414.708.995	-	5.500.000	420.208.995
11	Nguyễn Công Định	Thành viên BKS	-	24.000.000	-	24.000.000
12	Đoàn Quang Vũ	Thành viên BKS	272.037.186	-	5.500.000	277.537.186
Tổng cộng			4.365.037.188	132.000.000	55.000.000	4.552.037.188

1.b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy là công ty mẹ với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tương ứng 98,89%.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	5.053.787.510	7.466.351.025

Công nợ với các bên liên quan khác

Số dư	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác		
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	44.017.747.789	44.243.128.464
- Phải trả lãi vay	16.684.922.964	16.684.922.964
- Phải trả cổ tức	27.332.824.825	27.558.205.500
	44.017.747.789	44.243.128.464

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Các cam kết

Theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean, Royal Caribbean sẽ được ưu tiên sử dụng bến cập tàu và phải trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thì công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu của Cảng Chân Mây. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn, thỏa thuận này có thời hạn 10 năm kể từ ngày 26/05/2015. Công ty đang thực hiện đàm phán gia hạn hợp đồng nêu trên thêm 2 năm.

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động dịch vụ tàu biển	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	302.015.632.274	24.852.891.242	326.868.523.516
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	302.015.632.274	24.852.891.242	326.868.523.516
Giá vốn bộ phận	205.594.632.527	23.536.574.260	229.131.206.787
Lợi nhuận gộp bộ phận	96.420.999.747	1.316.316.982	97.737.316.729
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	332.908.805.471	50.299.243.630	383.208.049.101
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	332.908.805.471	50.299.243.630	383.208.049.101
Giá vốn bộ phận	245.497.841.163	47.653.102.053	293.150.943.216
Lợi nhuận gộp bộ phận	87.410.964.308	2.646.141.577	90.057.105.885

Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu



NGÔ KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng

TP. Huế, ngày 14 tháng 02 năm 2026



HUỲNH VĂN TOÀN
Tổng Giám đốc



